TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS - ST
Ngày 08 - 10 - 2019
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Trọng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thái Hòa.

2. Ông Đặng Văn Minh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2019/TLST – DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Ngân hàng TMCP Việt Nam A

Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Anh Nguyễn Mạnh C, anh Nguyễn Tiến B và anh Nguyễn Anh T là người đại diện theo ủy quyền lại của ông Phạm Tuấn P – Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME & cá nhân, VP Bank Hội sở (văn bản ủy quyền ngày 19/11/2018)

Địa chỉ: VPBank Vĩnh Phúc, số 1 Mê Linh, phường Liên Bảo, Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, "Anh C, anh B vắng mặt; anh T có mặt".

- **Bị đơn**:

+ Ông Lương Hải S, sinh năm 1972, "vắng mặt".

+ Bà Lương Thị H, sinh năm 1972, "có mặt".

Đều có địa chỉ: TDP Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Ông Lê Văn D - Trợ giúp viên, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Lương Thị N, sinh năm 1947.

+ Anh Lương Trung K, sinh năm 1992.

+ Chị Khổng Thị Mai L, sinh năm 1992.

+ Anh Lương Thanh Đ, sinh năm 1990.

+ Chị Lê Thị M, sinh năm 1990.

Đều có địa chỉ: Tổ dân phố Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc.

Người đại hợp pháp của bà N, anh K, chị L, anh Đ và chị M: Bà Lương Thị H, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ dân phố Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường, Vĩnh Tường, Vĩnh Phúc – Là người diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền các ngày 15/3, 17/6 và 20/6/2019), "có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 11 năm 2018 và những lời khai trong quá trình làm việc cũng như tại phiên toà, đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Anh Tuấn trình bày:

Ngày 16/10/2015 giữa Ngân hàng TMCP Việt Nam A (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và vợ chồng ông Lương Hải S và bà Lương Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 4841992 theo đó Ngân hàng cho ông S bà H vay số tiền 410.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, mục đích vay vốn tiêu dùng, lãi suất 9.99%/năm được cố định trong 24 tháng đầu, sau đó sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần của Ngân hàng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Cùng ngày 16/10/2015 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền trên cho ông S và bà H tại khế ước nhận nợ lần 01/số 4841992. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 60, diện tích 393,5m^2; địa chỉ: Tổ dân phố Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 570001, số vào sổ CH 00616 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp ngày 07/11/2014 đứng tên bà Lương Thị N.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên ông S và bà H mới trả cho Ngân hàng được 68.334.000 đồng nợ gốc và 47.398.141 đồng lãi. Do đó, đã vi

phạm nghiêm trọng hợp đồng nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển sang nợ quá hạn từ ngày 15/01/2017.

Ngày 02/6/2016, giữa Ngân hàng và ông Lương Hải S có ký hợp đồng tín dụng số 7529279 theo đó Ngân hàng cho ông S vay số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay vốn mua sắm dụng cụ gia đình, lãi suất 20%/năm, sau đó sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần của Ngân hàng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Cùng ngày 02/6/2016 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền trên cho ông S. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S thanh toán được cho Ngân hàng 5.322.197 đồng, trong đó trả gốc 2.475.963 đồng, trả lãi 2.864.234 đồng. Còn lại chưa thanh toán.

Ngân hàng đã đôn đốc, tạo điều kiện cho ông S và bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên ông S và bà H đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, Ngân hàng đề nghị Toà án buộc ông S và bà H phải thanh toán toàn bộ số tiền 515.090.962 đồng tính đến hết ngày 07/10/2019, đồng thời ông S và bà H vẫn phải trả nợ lãi và các khoản phí phát sinh (nếu có) kể từ ngày 08/10/2019 theo hợp đồng tín dụng số 4841992 ngày 16/10/2015, Khế ước nhận nợ số 4841992 đã ký cho đến khi ông S và bà H thanh toán đầy đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng. Đối với số tiền 49.240.372 đồng theo hợp đồng số 7529279 đề nghị buộc ông S và bà H phải thanh toán toàn bộ gốc lãi, trường hợp không trả được yêu cầu trả lãi theo lãi suất do Bộ luật Dân sự quy định.

Trường hợp ông S và bà H không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ thì đề nghị bán phát mại tài sản thế chấp là tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 60, diện tích 393,5m^2; địa chỉ: Tổ dân phố Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 570001, số vào sổ CH 00616 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp ngày 07/11/2014 đứng tên bà Lương Thị N. Nếu việc bán tài sản bảo đảm của bà N không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông S và bà H vẫn phải có trách nhiệm trả nợ gốc, trả nợ lãi theo hợp đồng tín dụng và các khoản phí phát sinh (nếu có) theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong cho ngân hàng.

Bị đơn, bà Lương Thị H trong bản tự khai ngày 10/3/2019 và quá trình làm việc tại Tòa án trình bày: Về thời gian, quá trình vay vốn, giải ngân, trả nợ, số tiền còn nợ, gốc lãi như Ngân hàng trình bày là đúng. Ngày 16 tháng 10 năm 2015 vợ chồng bà có vay của Ngân hàng số tiền là 410.000.000 đồng, Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên cho vợ chồng bà. Quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng bà

mới trả gốc lãi được một phần như Ngân hàng trình bày là đúng. Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là toàn bộ quyền sử dụng đất 393,5m^2 và tài sản gắn liên với đất tại thửa đất số 135, tờ bản đồ số 60; địa chỉ: Tổ dân phố Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 570001 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp ngày 07/11/2014 đứng tên bà Lương Thị N. Về nguồn gốc thửa đất số 135 là của mẹ chồng bà N. Hiện tại gia đình bà kinh tế hết sức khó khăn, gia đình bà là hộ nghèo năm 2018, 2019 đồng thời là hộ gia đình chính sách, bố chồng bà ông Lương Hữu Q là liệt sỹ, bà nội Lương Thị V là Bà mẹ Việt nam anh hùng. Bản thân bà đang bị bệnh thận, mỗi tuần phải chạy thận 3 buổi trong khi lương không có. Quan điểm của bà đề nghị Ngân hàng miễn lãi cho gia đình bà, còn tiền gốc gia đình sẽ bán đất để trả toàn bộ ngay.

Đối với số tiền 29.000.000 đồng ông S vay ngày 02/6/2016 bà và gia đình hoàn toàn không biết, ông S vay và sử dụng như thế nào bà không biết. Ông S không mua sắm hay sử dụng bất kỳ đồng nào vào việc chung của gia đình. Đề nghị Tòa án xem xét khoản vay này.

Chồng bà ông Lương Hải S hiện vẫn có hộ khẩu tại Tổ dân phố Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường tuy nhiên do trước đây làm ăn thua lỗ, nợ nần nên phải tránh mặt, bà không cung cấp được địa chỉ và số điện thoại.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị N, anh Lương Trung K, chị Khổng Thị Mai L, anh Lương Thanh Đ, chị Lê Thị M nhất trí với quan điểm của bà H đồng thời ủy quyền toàn bộ cho bà H tham gia giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H: Ông Lê Văn D có ý kiến đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để bà H trả tiền nợ gốc, xem xét cho bà H được miễn phần tiền nợ lãi, tiền phạt chậm trả lãi và tiền truy thu lãi suất ưu đãi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử cũng như chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu. Các đương sự chấp hành đúng quy định, riêng ông S vắng mặt không có lý do nên phải tự chịu trách nhiệm.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 4 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 323, 351, 463, 466, 468, 470 và 357 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 156, 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông S và bà H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam A tổng số tiền là 515.090.962 đồng, trong đó nợ gốc: 341.666.000 đồng, nợ lãi 157.024.962 đồng, nợ tiền ưu đãi lãi suất 16.400.000 đồng tính đến hết ngày 07/10/2019, theo hợp đồng tín dụng số: 4841992, Khế ước nhận nợ lần 1 số: 4841992 ngày 16/10/2015. Ngoài ra, kể từ ngày 08/10/2019 ông S, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp ông S, bà H không trả nợ đầy đủ Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự bán phát mại tài sản để thu hồi nợ. Đối với khoản nợ theo hợp đồng ký ngày 02/6/2016 xác định là nợ riêng của ông S, do đó cần buộc ông S phải trả nợ cho Ngân hàng tổng số tiền là 49.240.372 đồng, trong đó nợ gốc là 26.524.037 đồng, lãi 22.716.355 đồng.

Về chi phí tố tụng: Ông S và bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, do Ngân hàng đã nộp tạm ứng nên buộc ông S và bà H phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền 3.600.000 đồng chi phí thẩm định.

Về án phí dân sự sơ thẩm ông S và bà H được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bị đơn ông Lương Hải S và bà Lương Thị H, trong đó Ngân hàng cho ông S, bà H vay tiền với mục đích tiêu dùng cá nhân. Do bị đơn ông S và bà H có hộ khẩu và cư trú tại thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, theo quy định tại các Điều 26, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

[2] Về nội dung, xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 16/10/2015 giữa Ngân hàng và vợ chồng ông Lương Hải S và bà Lương Thị H có ký hợp đồng tín dụng số 4841992 theo đó Ngân hàng cho ông S bà H vay số tiền 410.000.000 đồng, thời hạn vay 84 tháng, mục đích vay vốn tiêu dùng, lãi suất 9.99%/năm được cố định trong 24 tháng đầu, sau đó sẽ được điều

chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần của Ngân hàng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Hợp đồng ký kết đảm bảo đúng các quy định về hình thức và nội dung, được đại diện hợp pháp của Ngân hàng và vợ chồng ông S, bà H ký kết, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Ngày 16/10/2015 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền trên cho ông S và bà H tại khế ước nhận nợ lần 01/số 4841992.

[2.1] Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng trên ông S và bà H mới trả cho Ngân hàng được 68.334.000 đồng nợ gốc và 47.398.141 đồng lãi. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu nhưng ông S, bà H không trả nợ, đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng đã ký nên toàn bộ khoản vay trên bị chuyển nợ sang quá hạn.

[2.2] Bị đơn ông S vắng mặt nhưng bà H có mặt thừa nhận việc vay nợ như Ngân hàng trình bày là đúng. Tuy nhiên do hiện gia đình bà kinh tế hết sức khó khăn, gia đình bà là hộ nghèo năm 2018, 2019 đồng thời là hộ gia đình chính sách, bố chồng bà ông Lương Hữu Q là liệt sỹ, bà nội Lương Thị V là Bà mẹ Việt nam Anh hùng. Bản thân bà đang bị bệnh thận, mỗi tuần phải chạy thận 3 buổi trong khi lương không có. Quan điểm của bà đề nghị Ngân hàng miễn lãi cho gia đình bà, còn tiền gốc gia đình sẽ bán đất để trả toàn bộ ngay. Đại diện Ngân hàng không đồng ý việc miễn lãi, yêu cầu ông S, bà H phải trả toàn bộ gốc, lãi. Như vậy cần buộc ông S, bà H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày ngày 07/10/2019 tổng cộng là: 515.090.962 đồng, trong đó nợ gốc: 341.666.000 đồng, lãi 157.024.962 đồng, hoàn tiền ưu đãi lãi 16.400.000 đồng, đồng thời phải chịu lãi phát sinh trên nợ gốc kể từ ngày 08/10/2019 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp ông S, bà H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 4841992 ngày 15/10/2015 ký giữa bên thế chấp bà Lương Thị N với bên nhận thế chấp là Ngân hàng về hình thức được ký kết bằng văn bản, được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch đảm bảo.

[3.1] Về nội dung hợp đồng thế chấp: Xem xét hợp đồng thế chấp và toàn bộ hồ sơ thế chấp thấy rằng tài sản thế chấp đảm bảo cho khoản vay gồm có quyền sử dụng 393.5 m^2 đất, thửa đất số 135, tờ bản đồ số 60; địa chỉ: TDP Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 570001, số vào sổ CH 00616 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp ngày 07/11/2014 đứng tên bà Lương Thị N là tài sản hợp pháp của bà N; bà N tự nguyện đứng ra thế chấp đảm bảo cho các nghĩa vụ của ông S và bà H tại Ngân hàng do đó trong trường hợp ông S, bà H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông S bà H phải trả toàn bộ gốc lãi cho Ngân hàng đối với khoản vay ngày 02/6/2019, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 02/6/2016 giữa Ngân hàng và ông Lương Hải S có ký hợp đồng tín dụng số 7529279 theo đó Ngân hàng cho ông S vay số tiền 29.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng, mục đích vay vốn mua sắm dụng cụ gia đình, lãi suất 20%/năm, sau đó sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/1 lần của Ngân hàng; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Cùng ngày 02/6/2016 Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền trên cho ông S. Quá trình thực hiện hợp đồng ông S thanh toán được cho Ngân hàng 5.322.197 đồng, trong đó trả nợ gốc 2.475.963 đồng, trả lãi 2.864.234 đồng, hợp đồng tín dụng chỉ có ông S ký. Ngân hàng đề nghị ông S và bà H có trách nhiệm trả khoản nợ này, trường hợp không trả được đề nghị bán phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ vì tài sản này được đảm bảo cho tất cả các nghĩa vụ liên quan khác của ông S và bà H. Đối với yêu cầu này của ngân hàng là không phù hợp vì, ngày 02/6/2016 giữa Ngân hàng và ông S ký hợp đồng tín dụng, theo đó Ngân hàng cho ông S vay số tiền 29.000.000 đồng trên cơ sở khả năng tài chính và uy tín của cá nhân ông S, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay. Theo hợp đồng thì trong trường hợp Ngân hàng nhận định ông S không đủ điều kiện được vay thì có quyền yêu cầu ông S đưa tài sản vào thế chấp cho Ngân hàng, tuy nhiên kể từ tháng 01 năm 2017 ông S đã để phát sinh nợ quá hạn nhưng Ngân hàng không yêu cầu gì. Quá trình giải quyết vụ án bà H khẳng định đây là khoản vay riêng của ông S; ông S vay và sử dụng số tiền này như thế nào bà và gia đình hoàn toàn không biết. Ông S không mua sắm hay sử dụng bất kỳ đồng nào vào việc chung của gia đình do đó Hội đồng xét xử xác định đây là nợ riêng của ông S và ông S có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi cho Ngân hàng đồng thời khoản nợ này không được bảo đảm bởi tài sản thế chấp của bà N.

[5] Từ phân tích trên cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông S, bà H trả nợ cho Ngân hàng; trường hợp ông S, bà H không trả được nợ Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý, bán phát

mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ (Đối với khoản nợ chung). Đối với khoản nợ riêng ông S có trách nhiệm trả toàn bộ.

[6] Đối với chi phí tố tụng: Ông S và bà H phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, ngày 06/6/2019 Tòa án tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ hết 3.600.000 đồng, do đại diện Ngân hàng đã nộp số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định. Tại phiên toà đại diện Ngân hàng đề nghị ông S và bà H có trách nhiệm thanh toán lại số tiền Ngân hàng đã nộp tạm ứng, do đó cần buộc ông S và bà H phải thanh toán lại cho Ngân hàng số tiền này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng không phải chịu án phí được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông S, bà H thuộc hộ nghèo năm 2019 đồng thời là hộ gia đình chính sách, bố ông S là ông Lương Hữu Q là liệt sỹ và có đơn xin miễn án phí, do vậy thuộc đối tượng được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng 2010; các Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323, 325, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các điều 147, 156, 157 và 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

1. Đối với khoản nợ chung của ông Lương Hải S và bà Lương Thị H:

Buộc ông S và bà H phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam A tổng số tiền là 515.090.962 đồng, trong đó nợ gốc: 341.666.000 đồng, nợ lãi 157.024.962 đồng, nợ tiền ưu đãi lãi suất 16.400.000 đồng tính đến hết ngày 07/10/2019, theo hợp đồng tín dụng số: 4841992, Khế ước nhận nợ lần 1 số: 4841992 ngày 16/10/2015. Ngoài ra, kể từ ngày 08/10/2019 ông S, bà H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam A thì lãi suất mà ông S, bà H phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam A theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trường hợp ông S, bà H không trả được số nợ trên thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam A có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án dân sự xử lý, bán phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng 393.5 m^2 đất, thửa đất số 135, tờ bản đồ số 60; địa chỉ: TDP Nhật Tân, thị trấn Vĩnh Tường, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BV 570001, số vào sổ CH 00616 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh Tường cấp ngày 07/11/2014 đứng tên bà Lương Thị N theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 4841992 ngày 15/10/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp tài sản bảo đảm của bà N không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông S, bà H vẫn phải có trách nhiệm trả nợ gốc, trả nợ lãi, phí theo hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ theo quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng.

2. Đối với khoản nợ riêng của ông Lương Hải S:

Buộc ông S phải trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam A tổng số tiền là 49.240.372 đồng, trong đó nợ gốc là 26.524.037 đồng, nợ lãi 22.716.335 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam A có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng ông Lương Hải S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đối với chi phí tố tụng:

Ông Lương Hải S và bà Lương Thị H phải chịu 3.600.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ; Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam A đã nộp 3.600.000 đồng tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ do đó buộc ông S và bà H phải thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền 3.600.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam A có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền trên, hàng tháng ông Lương Hải S và bà Lương Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam A không phải chịu án phí được hoàn trả lại 12.172.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AA/2017/0002068 ngày 28 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Tường.

- Ông Lương Hải S và bà Lương Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Tường;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Xuân Trọng